

Štartová listina

č.	T	Meno	FideID	FED	Elo	pohlavie	Typ	Gr	Klub
1		Võ, Đại Hoài Đức	12400033	VIE	1923		S35	c	Masters of Time
2		Trương, Phúc Nhật Nguyên	12450480	VIE	1716		U09		Super Kids
3		Nguyễn, Hoàng Gia	12457582	VIE	1715		S35		Biên Hòa Chess
4		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1685	w		x	I-Chess
5	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1685		S35	x	Masters of Time
6		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1667		U11		Bình Dương
7		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1625		U13		An Giang
8	ACM	Phan, Quốc Việt Anh	12438642	VIE	1540			x	Masters of Time
9		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1534	w	U11		An Giang
10	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1525		U07		Super Kids
11		Võ, Quang Minh	12485047	VIE	1460		U07		Super Kids
12	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	0		U09		Cờ vua Sài Gòn
13		Lê, Hồng Anh	12494682	VIE	0		U11		TP.HCM
14		Lê, Hồng Vũ	12494674	VIE	0		U11		TP.HCM

Hľadaj všetky podrobnosti turnaja pod <https://chess-results.com/tnr1491804.aspx?lan=4>

Chess-Tournament-Results-Servers: Chess-Results